

Bản án số: 188/2019/DS-PT

Ngày: 15/7/2019

V/v tranh chấp hợp đồng xây dựng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hoàng.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Toàn Giang;
Ông Mai Tiến Dũng.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hà Nội.

- Đại diện VKSND TP Hà Nội: Bà Hoàng Vĩnh Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 15/7/2019, tại trụ sở TAND Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2019/TLPT-DS ngày 28/3/2019 về: “Tranh chấp hợp đồng xây dựng - yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2018/DS-ST ngày 20/9/2018 của TAND quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 152/2019/QĐ-PT ngày 20 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng số 9. Địa chỉ: Số 18/89 đường 5, phường Tân Mai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. *Đại diện theo pháp luật:* Ông Ninh Bá Chắc. *Đại diện theo ủy quyền:* Ông Trần Trung N; Địa chỉ: phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Công ty cổ phần xây dựng và phát triển nông thôn 6. Địa chỉ: quận Đống Đa, Hà Nội. *Đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Thế H - Tổng Giám đốc. *Đại diện theo ủy quyền:* Ông Trần Xuân H. Có mặt.

2.2. Công ty Cổ phần xây dựng thương mại và phát triển nông thôn. Địa chỉ tại thời điểm xét xử: quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội. *Đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Việt L - Giám đốc (Theo Quyết định số 05/2018/CCRD-QĐ ngày 01/6/2018 Chủ tịch Hội đồng quản trị và Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ

phần xây dựng thương mại và phát triển nông thôn). *Đại diện theo ủy quyền:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà và bà Trịnh Lê Ngọc Quỳnh. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Đoàn Đình Thanh; Địa chỉ: số 49, ngõ 113 phố Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội. Vắng mặt.

3.2. Ông Đoàn Mỹ Quang; Địa chỉ: số 8A1 Nguyễn Huệ, xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

3.3. Ông Nguyễn Thế Hà (nguyên Giám đốc Công ty 6); Địa chỉ: số 36 ngõ 120 đường Trường Chinh, quận Đống Đa, Hà Nội. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo:

4.1. Công ty cổ phần xây dựng và phát triển nông thôn 6 là bị đơn. Có mặt

4.2. Công ty Cổ phần xây dựng thương mại và phát triển nông thôn là bị đơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

1. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng số 9 (*Sau đây viết tắt là: Công ty 9*) vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc:

- Công ty Cổ phần xây dựng thương mại và phát triển nông thôn (*Sau đây viết tắt là: Công ty CPXDTM&PTNT*) phải trả Công ty 9 số tiền gốc còn nợ là 143.768.533 đồng.

- Công ty cổ phần xây dựng và phát triển nông thôn 6 (*Sau đây viết tắt là: Công ty 6*) phải trả Công ty 9 số tiền gốc còn nợ là: 126.850.724 đồng.

Lý do khởi kiện: Ông Đoàn Đình Thanh là cán bộ của Công ty CPXDTM&PTNT và Công ty 6.

Năm 2002, ông Thanh được 02 công ty là CPXDTM&PTNT và Công ty 6 (*Thời điểm đó cùng trực thuộc Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn*) giao là chỉ huy trưởng 05 công trình mà 02 Công ty được nhận xây dựng, gồm:

+ Công trình cụm dân cư vượt lũ - xã Vĩnh Hưng B, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An;

+ Công trình Viện khoa học thủy lợi Miền Nam tại Bình Dương;

+ Công trình thi công 5 cầu Đồng Tháp;

+ Công trình khu kinh tế Bạc Liêu;

+ Công trình nhà máy sản xuất đồ hộp rau quả xuất khẩu Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Để thực hiện nhiệm vụ của mình, ông Thanh đã thuê Công ty 9 thi công. Tuy nhiên ông Thanh không thanh toán trả đủ giá trị hạng mục đã thi công cho Công ty 9. Theo “Biên bản thanh quyết toán khối lượng các công trình giữa ông Đoàn Đình Thanh và ông Ninh Bá Chấn” ngày 12/01/2004 và “Biên bản làm việc và giao nhận tiền” ngày 18/01/2004 tại Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Đồng Nai. Các bên đã xác định công nợ như sau: Ông Thanh đại diện Công ty CPXD TM&PTNT còn nợ ông Chấn (đại diện Công ty 9) số tiền là 143.768.533 đồng. Ông Thanh đại diện Công ty 6 còn nợ ông Chấn (đại diện Công ty 9) số tiền là 126.850.724 đồng.

Công ty 9 không yêu cầu tính số tiền thuế VAT và tiền lãi suất của các khoản nợ trên.

2. Bị đơn:

2.1. *Đại diện theo ủy quyền của Công ty CPXD TM&PTNT trình bày:* Ông Chấn không thuộc biên chế và quản lý của Công ty xây dựng và phát triển nông thôn 1, nay là Công ty CPXD TM&PTNT. Công ty không trực tiếp thuê ông Chấn nên không có tài liệu về “Biên bản thanh quyết toán khối lượng các công trình giữa ông Đoàn Đình Thanh và ông Ninh Bá Chấn” ngày 12/01/2004 và “Biên bản làm việc và giao nhận tiền” ngày 18/01/2004; Việc giao dịch và thanh toán là cá nhân ông Thanh với ông Chấn. Khi Công ty xây dựng và phát triển nông thôn 1 được chuyển đổi thành Công ty CPXD TM&PTNT không có việc bàn giao các văn bản này, và vốn Công ty còn bị âm nên Công ty CPXD TM&PTNT không có trách nhiệm thanh toán công nợ của các công trình trong vụ án.

2.2. *Đại diện theo ủy quyền của Công ty 6 trình bày:* Công ty 9 khởi kiện Công ty 6 là không đúng đối tượng vì đây là khoản nợ giữa cá nhân ông Thanh và ông Chấn. Công ty 6 không có trách nhiệm thanh toán công nợ của các công trình trong vụ án.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Thanh trình bày: Đề nghị Tòa án giải quyết theo đơn khởi kiện của Công ty 9. Còn việc ông với CPXD TM&PTNT và Công ty 6 là hai việc khác nhau đề nghị tách ra trong vụ kiện khác.

3.2. Ông Quang có đơn xin vắng mặt với lý do sức khỏe; không có ý kiến gì.

3.3. Ông Hà trình bày: Căn cứ vào các biên bản làm việc tại Phòng cảnh sát Kinh tế - Công an tỉnh Đồng Nai ngày 12/01/2004 và ngày 18/01/2004 xác định đây là công nợ giữa cá nhân ông Thanh và ông Chấn. Tòa án nhân dân quận Đống Đa xác nhận Công ty 6 là bị đơn là không đúng.

4. Quá trình giải quyết vụ án:

4.1. Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2007/KDTM- ST ngày 18 và 24/9/2007, Tòa án nhân dân quận Đống Đa đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng số 9 do ông Ninh Bá Chấn đại diện đối với Công ty cổ phần xây dựng và phát triển nông thôn 6 do bà Vũ Thị Tài đại diện và Công ty cổ phần thương mại và phát triển nông thôn do bà Trần Thị Vân đại diện.

- Buộc Công ty cổ phần xây dựng và phát triển nông thôn 6 có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH xây dựng số 9 số tiền: nợ gốc là 126.850.724 đồng; lãi là 57.488.728 đồng. Tổng cộng là 184.339.425 đồng.

- Buộc Công ty cổ phần thương mại và phát triển nông thôn có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH xây dựng số 9 số tiền: nợ gốc là 143.768.523 đồng; lãi là 65.155.904 đồng. Tổng cộng: 208.924.427 đồng.

- Bác yêu cầu độc lập của ông Đoàn Đình Thanh đòi Công ty TNHH xây dựng số 9 số tiền 697.473.656 đồng.

- Tách và dành quyền khởi kiện cho Công ty cổ phần xây dựng và phát triển nông thôn 6 và Công ty cổ phần thương mại và phát triển nông thôn đối với ông Đoàn Đình Thanh khi có yêu cầu.

- Tách và dành quyền khởi kiện cho ông Đoàn Mỹ Quang khi có yêu cầu.”

Không đồng ý với bản án này. Công ty CPXD TM & PTNT; Công ty 6 và ông Đoàn Đình Thanh đều có đơn kháng cáo.

4.2. Tại Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 17/2008/KDTM-PT ngày 04 và 06/08/2008 của TAND TP Hà Nội nhận định đã hết thời hiệu khởi kiện và quyết định:

- Hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2007/KDTM-ST ngày 18 và 24/9/2007 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa.

- Đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Ngày 31/3/2010, Công ty 9 có đơn đề nghị Tòa án nhân dân tối cao xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm nêu trên.

4.3. Tại Quyết định giám đốc thẩm số 25/2011/KDTM- GĐT ngày 28/11/2011 của Tòa kinh tế - Tòa án nhân dân tối cao đã quyết định:

- Hủy Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 17/2008/KDTM- PT ngày 04 và 06/08/2008 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

4.4. Bản án số 78/2015/KDTM-PT ngày 31/8/2015 của TAND TP. Hà Nội đã quyết định:

- Hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2007/KDTM-ST ngày 18 và 24/9/2007 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- Giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân quận Đống Đa thụ lý, giải quyết lại với loại vụ án dân sự.

Tòa án nhân dân quận Đống Đa đã tiến hành thụ lý, giải quyết lại vụ án.

4.5. Bản án sơ thẩm số 27/2018/DS-ST ngày 20/9/2018, Tòa án nhân dân quận Đống Đa quyết định:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của Công ty TNHH số 9 khởi kiện Công ty 1 và Công ty 6. Ghi nhận việc Công ty 9 yêu cầu Công ty 1 và Công ty 6 thanh toán đối với khoản nợ gốc và không tính lãi.

2. Buộc Công ty 1 (nay là Công ty CPXDTM&PTNT) phải trả có trách nhiệm trả cho Công ty 9 tiền gốc là: 143.768.533 đồng ..

3. Buộc Công ty 6 phải trả có trách nhiệm trả cho Công ty 9 tiền gốc là: 126.850.724 đồng

4. Tách dành quyền khởi kiện cho Công ty CPXDTM&PTNT và Công ty 6 đối với ông Đình Thanh khi có yêu cầu.

5. Tách và dành quyền khởi kiện cho ông Đoàn Đình Thanh khi có yêu cầu.

6. Tách và dành quyền khởi kiện cho ông Đoàn Mỹ Quang khi có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/9/2018, Công ty Cổ phần thương mại và phát triển nông thôn là bị đơn; ngày 01/10/2018, Công ty cổ phần xây dựng và phát triển nông thôn 6 là bị đơn đều có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết như sau: Kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị giữ nguyên quyết định của “Bản án sơ thẩm số 27/2018/DS-ST ngày 20/9/2018”. Buộc: Công ty CPXDTM&PTNT phải có trách nhiệm trả cho Công ty 9 tiền gốc là: 143.768.533 đồng và Công ty 6 phải trả có trách nhiệm trả cho Công ty 9 tiền gốc là: 126.850.724 đồng. Không yêu cầu tính số tiền thuế VAT và tiền lãi suất của các khoản nợ trên.

Đại diện theo ủy quyền của Công ty CPXDTM&PTNT trình bày: Ông Chắc không thuộc biên chế và quản lý của Công ty CPXDTM&PTNT. Công ty không

trực tiếp thuê ông Chắc; không giao cho ông Thanh ký hợp đồng hoặc thuê Công ty 9 hoặc thuê ông Chắc. Nên không chấp nhận “ Biên bản thanh quyết toán khối lượng các công trình giữa ông Đoàn Đình Thanh và ông Ninh Bá Chắc” ngày 12/01/2004 và “Biên bản làm việc và giao nhận tiền” ngày 18/01/2004; Việc giao dịch và thanh toán là cá nhân ông Thanh với ông Chắc. Khi Công ty xây dựng và phát triển nông thôn 1 được chuyển đổi thành Công ty CPXD TM&PTNT không có việc bàn giao các văn bản này và còn bị âm vốn nên Công ty CPXD TM&PTNT không có trách nhiệm thanh toán công nợ của các công trình trong vụ án. Do vậy Công ty CPXD TM&PTNT không phải là bị đơn, TAND quận Đống Đa thụ lý giải quyết xác định Công ty CPXD TM&PTNT là bị đơn là không đúng. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện theo ủy quyền của Công ty 6 trình bày: Công ty 9 khởi kiện Công ty 6 là không đúng đối tượng vì đây là khoản nợ giữa cá nhân ông Thanh và ông Chắc. Công ty 6 không có trách nhiệm thanh toán công nợ của các công trình trong vụ án. Ngoài ra Công ty CPXD TM&PTNT chưa bao giờ có địa chỉ ở quận Đống Đa nên TAND quận Đống Đa thụ lý giải quyết là không đúng thẩm quyền theo lãnh thổ. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm không có văn bản, quan điểm tại phiên tòa phúc thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Căn cứ vào các biên bản nghiệm thu và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đủ căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của Công ty 9 là có căn cứ.

Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của TAND quận Đống Đa. Buộc: Công ty CPXD TM&PTNT phải trả có trách nhiệm trả cho Công ty 9 tiền gốc là: 143.768.533 đồng và Công ty 6 phải trả có trách nhiệm trả cho Công ty 9 tiền gốc là: 126.850.724 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Cấp sơ thẩm đã tuân thủ các quy định của bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn xét xử sơ thẩm. Các đương sự đã thực hiện đúng

các quyền, nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng xây dựng” là chưa đầy đủ mà cần căn cứ vào việc các bên đã thực hiện xong các thỏa thuận (Hợp đồng) thuê khoán công việc về xây dựng, chỉ còn yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên cần phải xác định đầy đủ là “Tranh chấp hợp đồng xây dựng - yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”.

Đơn kháng cáo và Biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, người kháng cáo đã nộp trong thời hạn luật định nên được xác định là kháng cáo hợp lệ.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, được Tòa án tổng đạt hợp lệ: Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1. Xét kháng cáo của Công ty 6:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến trình bày của các đương sự tại phiên tòa, đủ căn cứ xác định: Công ty 6 là nhà thầu chính thi công Công trình Viện khoa học thủy lợi Miền Nam tại Bình Dương; Ông Đoàn Đình Thanh là cán bộ của Công ty 6, được giao nhiệm vụ thực hiện thi công công trình này. Ông Thanh thỏa thuận miệng với ông Chắc (đại diện Công ty 9) với nội dung: Công ty 9 thi công xây tường rào, san lấp mặt bằng, làm đường nội bộ, làm nước sinh hoạt, xây nhà kho của công trình. Việc giao dịch này không tuân thủ Điều 1 và Điều 11 “Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế”, khoản 2 điều 107 Luật Xây dựng nên không phải là Hợp đồng kinh tế.

Ngày 25/12/2002, chủ đầu tư là Viện khoa học thủy lợi miền Nam; đại diện Công ty 6; đại diện giám sát thiết kế; đại diện đơn vị thi công là Công ty 9 và ông Đoàn Đình Thanh đã ký vào hồ sơ nghiệm thu và hồ sơ quyết toán. Trong các ngày 12/01/2004 và 18/01/2004, tại Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Đồng Nai; ông Thanh và ông Chắc đã lập “Biên bản quyết toán khối lượng và xác định công nợ và chót nợ”: Ông Thanh đại diện Công ty 6 còn nợ Công ty 9 số tiền là 126.850.724 đồng. Như vậy: Biên bản nghiệm thu, hồ sơ quyết toán được lập theo đúng quy định theo điều 80, 81 Luật Xây dựng. Các bên nghiệm thu đúng khối lượng công việc và thanh quyết toán đúng luật, gói thầu cũng đã đưa vào sử dụng. Xét thấy số lượng, giá trị công trình do Công ty 9 đưa ra phù hợp với số liệu đã đối chiếu tại Phòng cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Đồng Nai. Do vậy bên thuê Công ty 6 phải có

nghĩa vụ trả khoản tiền còn thiếu theo biên bản chốt nợ. Do bên Công ty 6 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo biên bản chốt nợ, tháng 5/2007 Công ty 9 nộp đơn khởi kiện là trong thời hạn khởi kiện theo Bộ luật dân sự năm 2005.

Việc Công ty 6 cho rằng Công ty 6 không thuê (giao khoán) Công ty 9 thực hiện các hạng mục của công trình và theo quy định của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn thì Công ty 6 không có quyền thuê đơn vị khác thực hiện gói thầu, nên không có trách nhiệm trả nợ cho Công ty 9; ông Thanh là người thuê ông Chắc (Công ty 9) thì ông Thanh phải tự chịu trách nhiệm. Xét thấy: Công ty 6 thừa nhận ông Thanh thuộc biên chế của Công ty 6 được giao nhiệm vụ thực hiện thi công công trình Viện khoa học thủy lợi Miền Nam. Để hoàn thành nhiệm vụ của mình, ông Thanh thỏa thuận miệng với ông Chắc (đại diện Công ty 9) thi công một số hạng mục của công trình. Công ty 6 biết việc giao khoán này nhưng vẫn để Công ty 9 thực hiện không phản đối và nhất trí với hồ sơ nghiệm thu ngày 25/12/2002. Như vậy Công ty 6 mặc nhiên thừa nhận việc giao khoán giữa ông Thanh với Công ty 9. Theo quy định tại Điều 599 Bộ luật dân sự năm 1995 (tại thời điểm giao dịch): *“Thực hiện công việc không có uỷ quyền là việc một người không có nghĩa vụ thực hiện công việc nhưng đã tự nguyện thực hiện công việc đó, hoàn toàn vì lợi ích của người có công việc được thực hiện khi người này không biết hoặc biết mà không phản đối”*. Đủ căn cứ buộc Công ty 6 phải thanh toán cho Công ty 9 số tiền theo biên bản chốt nợ là 126.850.724 đồng. Ghi nhận việc Công ty 9 không yêu cầu tính số tiền thuế VAT và tiền lãi suất như cấp sơ thẩm đã tuyên. Trường hợp Công ty 6 có căn cứ việc thỏa thuận giao khoán và ký kết văn bản chốt nợ làm ảnh hưởng hoặc thiệt hại đến Công ty 6 thì Công ty có quyền xử lý ông Thanh theo Điều lệ, quy chế của Công ty hoặc theo quy định pháp luật hoặc có quyền khởi kiện ông Thanh bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật.

Đối với việc Công ty 6 đề nghị hủy bản án sơ thẩm vì TAND quận Đống Đa thụ lý giải quyết là không đúng thẩm quyền theo lãnh thổ. Thấy: Bị đơn là Công ty 6 có địa chỉ tại: Số 36 ngõ 120 đường Trường Chinh, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Công ty CPXD TM&PTNT nhiều lần thay đổi địa chỉ; Công ty 6 và Công ty CPXD TM&PTNT đều là pháp nhân thuộc Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Mặt khác: Kể từ khi TAND quận Đống Đa thụ lý vụ án và tại cấp phúc thẩm CPXD TM&PTNT đều không phản đối về thẩm quyền giải quyết vụ án và không có văn bản đề nghị chuyển vụ án cho Tòa án nơi cư trú, làm việc của bị đơn để giải quyết. Xác định TAND quận Đống Đa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

2.2. Xét kháng cáo của CPXD TM&PTNT:

Công ty CPXDTM&PTNT là nhà thầu chính thi công: Công trình cụm dân cư vượt lũ xã Vĩnh Châu B - Tân Hưng - Long An và Công trình thi công 5 cầu tại Đồng Tháp. Công ty CPXDTM&PTNT đã giao cho ông Đoàn Đình Thanh là cán bộ của Công ty là “Chỉ huy trưởng công trường và Ban chỉ huy công trường thi công”. Ông Thanh đã giao kết thỏa thuận với ông Chắc (Đại diện Công ty 9) thực hiện một số hạng mục của 02 công trình này và kết quả:

Đối với Công trình cụm dân cư vượt lũ xã Vĩnh Châu B - Tân Hưng - Long An. Tại Biên bản nghiệm thu ngày 31/7/2002 do Ban quản lý dự án huyện Tân Hưng và Công ty CPXDTM&PTNT ký nghiệm thu. Công trình đã được các bên thanh, quyết toán xong và đã được đưa vào sử dụng, hết bảo hành. Ngày 12/01/2004 tại Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Đồng Nai, ông Chắc và ông Thanh đã lập biên bản quyết toán khối lượng và xác định bên B (Công ty CPXDTM&PTNT) còn nợ bên A (Công ty 9): 108.458.200đ.

Đối với Công trình thi công 5 cầu tại Đồng Tháp. Ngày 21/03/2003, ông Thanh đại diện Công ty CPXDTM&PTNT và Công ty 9 do ông Chắc đại diện đã ký nghiệm thu khối lượng. Ngày 12/01/2004 tại Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Đồng Nai, ông Chắc và ông Thanh đã lập biên bản quyết toán khối lượng và xác định công nợ như sau: Công ty CPXDTM&PTNT còn nợ Công ty 9 số tiền là 177.136.751đ.

Tổng 02 khoản là 285.594.951 đồng. Tại Biên bản quyết toán khối lượng và xác định công nợ ngày 12/01/2004 và tại phiên tòa, đại diện của Công ty 9 xác định đối trừ với số tiền 141.826.418 đồng mà Công ty 9 còn nợ (âm) với Công ty CPXDTM&PTNT tại công trình khu kinh tế Bạc Liêu, nên số tiền còn nợ là 143.768.533 đồng.

Việc Công ty CPXDTM&PTNT cho rằng nghĩa vụ trả khoản nợ này là trách nhiệm của cá nhân ông Thanh. Thấy: Ông Thanh được Công ty CPXDTM&PTNT giao (phân công) là “Chỉ huy trưởng công trường và Ban chỉ huy công trường thi công” Công trình cụm dân cư vượt lũ xã Vĩnh Châu B - Tân Hưng - Long An và Công trình thi công 5 cầu tại Đồng Tháp. Thực hiện nhiệm vụ của mình ông Thanh đã giao kết thỏa thuận miệng (*Riêng Công trình san lấp khu dân cư vượt lũ xã Vĩnh Châu B, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An thì sát đến ngày nghiệm thu mới ký hợp đồng bằng văn bản*) với Công ty 9 (do ông Chắc là đại diện) đều bị xác định vi phạm Điều 1 và Điều 11 “Pháp lệnh Hợp đồng kinh tế” và khoản 2 điều 107 Luật Xây dựng. Tuy nhiên các bên đã chốt khoản nợ của giao dịch này là 143.768.533 đồng. Công ty CPXDTM&PTNT biết việc giao khoán này nhưng vẫn để Công ty 9

thực hiện không phản đối và nhất trí với hồ sơ nghiệm thu. Tương tự như nhận định tại mục 2.1 thì Công ty CPXDTM&PTNT phải thanh toán cho Công ty 9 số tiền theo biên bản chốt nợ là 143.768.533 đồng. Ghi nhận việc Công ty 9 không yêu cầu tính số tiền thuế VAT và tiền lãi suất như cấp sơ thẩm đã tuyên. Nếu Công ty CPXDTM&PTNT có căn cứ việc thỏa thuận giao khoán và ký kết văn bản chốt nợ gây thiệt hại đến Công ty CPXDTM&PTNT thì Công ty có quyền xử lý ông Thanh theo Điều lệ, quy chế của Công ty hoặc theo quy định pháp luật hoặc có quyền khởi kiện ông Thanh bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật.

2.3. Các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

2.4. Quan điểm của Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty 9 là có căn cứ pháp luật. Yêu cầu kháng cáo của các bị đơn không được chấp nhận.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về nghĩa vụ nộp án phí:

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Hoàn trả ông Thanh số tiền tạm ứng án phí yêu cầu độc lập đã nộp.

Công ty CPXDTM&PTNT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 143.768.533đ (*Số tiền phải trả cho nguyên đơn*) x 5% = 7.188.426 đồng và án phí dân sự phúc thẩm.

Công ty 6 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 126.850.724 đ (*Số tiền phải trả cho nguyên đơn*) x 5% = 6.342.536 đồng và án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 147, Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 290; khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Khoản 2 Điều 107, Điều 79, 80, 81 Luật xây dựng;
- Điểm c khoản 2 điều 15 điều 18 Nghị định 70/CP ngày 12/6/1997.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Xử:

Giữ nguyên Bản án số 27/2018/DS-ST ngày 20/9/2018 của TAND quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng số 9 đối với: Công ty Cổ phần xây dựng thương mại và phát triển nông thôn và Công ty cổ phần xây dựng và phát triển nông thôn 6.

2. Buộc Công ty Cổ phần xây dựng thương mại và phát triển nông thôn phải trả Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng số 9 số tiền gốc là: 143.768.533 (*Một trăm bốn mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn, năm trăm ba mươi ba*) đồng. Ghi nhận việc Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng số 9 chỉ yêu cầu thanh toán đối với khoản nợ gốc và không tính lãi.

3. Buộc Công ty cổ phần xây dựng và phát triển nông thôn 6 phải trả Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng số 9 số tiền gốc là: 126.850.724 (*Một trăm hai mươi sáu triệu, tám trăm năm mươi nghìn, bảy trăm hai mươi bốn*) đồng. Ghi nhận việc Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng số 9 chỉ yêu cầu thanh toán đối với khoản nợ gốc và không tính lãi.

4. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên bị thi hành án chưa thi hành thì còn phải chịu lãi đối với khoản tiền chưa thi hành xong theo mức lãi suất là 10%/năm (Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015).

5. Dành quyền khởi kiện cho Công ty Cổ phần xây dựng thương mại và phát triển nông thôn và Công ty cổ phần xây dựng và phát triển nông thôn 6 đối với ông Đoàn Đình Thanh khi có yêu cầu.

6. Tách và dành quyền khởi kiện cho ông Đoàn Đình Thanh khi có yêu cầu.

7. Tách và dành quyền khởi kiện cho ông Đoàn Mỹ Quang khi có yêu cầu.

8. Về án phí:

8.1. Hoàn trả Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng số 9 số tiền 1.000.000 (*Một triệu*) đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo “Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số 007885 ngày 20/01/2005 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

8.2. Hoàn trả ông Đoàn Đình Thanh 3.000.000 (*Ba triệu*) đồng, tiền tạm ứng án phí yêu cầu độc lập đã nộp theo “Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án” số 9965 ngày 9/02/2007 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, TP Hà Nội.

8.3. Công ty Cổ phần xây dựng thương mại và phát triển nông thôn phải chịu 7.188.426 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Được đối trừ với 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo “Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số 0007842 ngày 17/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa. Còn phải nộp tiếp 7.188.426 (*Bảy triệu, một trăm tám mươi tám nghìn, bốn trăm hai mươi sáu*) đồng.

8.4. Công ty cổ phần thương mại và phát triển nông thôn 6 phải chịu 6.342.536 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được đối trừ với 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo “Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số 0007866 ngày 24/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa. Còn phải nộp tiếp 6.342.536 (*Sáu triệu, ba trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm ba mươi sáu*) đồng

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án Phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tòa tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTP Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- TAND quận Đống Đa;
- CCTHADS quận Đống Đa;
- CCTHADS TP. Biên Hòa, Đồng Nai;
- Lưu HSVA.V Phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Minh Hoàng